

Bản án số: 136/2018/HS-PT

Ngày: 08-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng

Ông Bạch Đăng Thi

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Tiến - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 125/2018/HSPT ngày 17/7/2018 đối với bị cáo Giáp Thị L do có kháng cáo của bị cáo Giáp Thị L với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Họ và tên: **Giáp Thị L**, sinh năm 1976. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã B**, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 4/12; con ông Giáp Văn P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; bị cáo có chồng là anh Lãnh Văn N, sinh năm 1974; bị cáo có 03 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1999). Anh, chị em ruột: Có 05 anh em, bị cáo là thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Trọng N- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- Người bị hại kháng cáo: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú quán: **Thôn T, xã B**, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại Nguyễn Thị H1:

Luật sư Hoàng Thị Bích L1, luật sư Vũ Hùng C- Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng L1- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. Luật sư L1 có mặt, luật sư C vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lãnh Thị T, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: **Thôn T, xã B, huyện L, B**

2. Anh Lãnh Văn H2, sinh năm 1972. Có mặt.

Trú tại: **Thôn T, xã B, huyện L, B.**

- *Người làm chứng;*

1. Anh Lãnh Văn N, sinh năm 1974. Có mặt.

2. Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1975. Có mặt.

3. Ông Đặng Văn S, sinh năm 1954. Có mặt.

4. Chị Trần Thị N1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Anh T2, sinh năm 1960. Có mặt.

6. Ông Hoàng Văn S1, sinh năm 1965. Có mặt.

7. Ông **Lãnh Văn T3**, sinh năm 1941. Có mặt.

Đều trú tại: **Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện **L**, tỉnh Bắc Giang và bản án của Tòa án nhân dân huyện **L**, tỉnh Bắc Giang, nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị H1, trú tại **Thôn T, xã B, huyện L** có một thửa ruộng tại khu vực **Thôn T**, giáp ranh với thửa ruộng của bị cáo Giáp Thị L. Giữa gia đình chị H1 và gia đình bị cáo Giáp Thị L có xảy ra tranh chấp nhau lối đi xuống ruộng của hai gia đình. Buổi chiều ngày 11/3/2017, Ban quản lý **Thôn T, xã B** có thành lập tổ hòa giải gồm ông Hoàng Văn T1 là Chi hội trưởng Chi hội cựu chiến binh thôn, bà Trần Thị N1 là Trưởng ban Mặt trận tổ quốc thôn, ông Hoàng Văn S1 là Trưởng thôn, ông Đặng Văn S là Phó thôn, ông **Lãnh Văn T3** là Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi thôn. Tổ hòa giải đã mời hai gia đình đến Hội trường thôn để hòa giải. Quá trình hòa giải ở Hội trường thôn phía gia đình chị H1 có chị H1 và chồng là anh Lãnh Văn H2, phía gia đình bị cáo Giáp Thị L có chồng là anh Lãnh Văn N. Sau khi tiến hành hòa giải ở Hội trường thôn, tổ hòa giải đã mời hai bên gia đình ra thực địa để xem xét. Tổ hòa giải đã cùng với anh H2, chị H1, anh N cùng đến khu ruộng tranh chấp giữa hai gia đình để xem xét. Do khu ruộng tranh chấp ở phía trước cửa nhà bị cáo L nên khi tổ hòa giải đang xem xét tại thực địa thì bị cáo L và chị Lãnh Thị T là chị gái chồng của L, đã cùng nhau ra bờ ruộng ngồi xem. Sau khi xem xét tại thực địa xong tổ hòa giải mời hai bên gia đình tiếp tục quay lại Hội trường thôn để làm việc. Khi từ khu ruộng tranh chấp giữa gia đình chị H1 và gia đình bị cáo L đi về thì tổ hòa giải của thôn đi trước, còn anh H2, anh Nhân, chị H1 đi sau. Khi chị H1 đi từ khu ruộng lên bãi đất cao trồng vải thiều của gia đình anh **Hoàng Văn Đ1** đi qua chỗ bị cáo L và chị T thì giữa ba người đã xảy ra xô sát đánh nhau. Thấy vợ mình xảy ra xô sát với bị cáo L và chị T nên anh H2 quay lại dùng hai tay tóm tóc bị cáo L và chị T lôi lại phía sau và giúi xuống đất. Lúc này

anh N cầm một đoạn gậy bằng cây gỗ mục chạy quay lại giơ lên đập một nhát từ trên xuống dưới vào đầu anh H2 nên anh H2 bỏ tay túm tóc của bị cáo L và chị T ra và giơ lên đỡ làm đoạn gậy bị gãy. Sau đó bị cáo Giáp Thị L tiếp tục lao vào giằng co, du đẩy với chị H1 nên đã làm chị H1 bị ngã xuống ruộng ruộng, cách bãi đất cao trồng vải thiều của gia đình anh **Hoàng Văn Đ1** 1,87m. Thấy hai bên gia đình xô sát đánh nhau, tổ hòa giải của thôn đã cùng nhau chạy quay lại can ngăn hai bên gia đình, đồng thời tiến hành lập biên bản sự việc rồi tiếp tục mời hai bên gia đình về Hội trường thôn làm việc.

Chị H1, sau khi bị ngã xuống ruộng đã được chồng là anh H2 đưa về nhà sau đó đưa đi cấp cứu và điều trị vết thương tại Bệnh viện đa khoa khu vực **L** và Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ ngày 11/3/2017 đến ngày 27/3/2017 thì ra viện. Tại giấy chứng nhận thương tích số 58 ngày 05/6/2017 của Bệnh viện đa khoa khu vực **L** xác định tình trạng thương tích của chị Nguyễn Thị H1 lúc vào viện:

- 1) Cổ tay phải sưng đau, vận động hạn chế.
- 2) Đau cột sống lưng.
- 3) Xq hình ảnh gãy đầu dưới xương quay phải.
- 4) CT cột sống lưng: Hình ảnh vỡ, xẹp đốt sống ngực 12.

Tại giấy chứng nhận thương tích ngày 14/4/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang xác định tình trạng thương tích lúc vào viện của chị Nguyễn Thị H1:

- Đau, hạn chế vận động cột sống thắt lưng.
- Đau, hạn chế vận động, sưng nề cổ tay phải.

CT- Scanner: Hình ảnh vỡ lún với nhiều đường vỡ thân đốt D12, tổn thương đẩy lùi tường sau gây chèn ép nặng ống tủy ngang mức.

X-Quang: Xẹp D12, gãy đầu dưới xương quay phải.

Sau khi xảy ra vụ việc chị H1 đã làm đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện **L** đề nghị xử lý hành vi gây thương tích của Giáp Thị L và Lãnh Thị T.

Ngày 19/4/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện **L** đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với thương tích của chị Nguyễn Thị H1. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 7723/17/TgT ngày 20/4/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Sở y tế **B** xác định:

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 34% (ba tư phần trăm).
- Vật gây thương tích: Do vật cứng gây nên.
- Không xác định được chiều hướng gây thương tích

Ngày 09/6/2017 Giáp Thị L đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện **L** 01 chiếc áo sơ mi kẻ ca rô màu đỏ, đen, vàng dài tay đã cũ, bị rách 02 ống tay áo. Ngày 17/8/2017 Lãnh Thị T giao nộp 01 chiếc áo sơ mi dài tay, màu xanh nhạt đã cũ, bị rách túi áo ngực bên trái

Kết quả khám nghiệm hiện trường:

Hiện trường xảy ra vụ việc tại khu giáp ranh giữa bãi đất trồng vải của gia đình anh **Hoàng Văn Đ1** và ruộng cấy lúa của gia đình anh Lành Văn N thuộc **Thôn T, xã B, huyện L**. Từ hiện trường nhìn ra các hướng sau:

- Hướng bắc tiếp giáp với ruộng trồng táo của gia đình anh **Hoàng Văn Q**.
- Hướng Nam tiếp giáp với ruộng trồng ngô nhà anh **Lăng Văn T4**.
- Hướng Đông tiếp giáp với ruộng nhà anh **Hoàng Văn X**.
- Hướng Tây tiếp giáp với ruộng nhà anh Lành Văn H2.

Khu vực xảy ra vụ việc là phần đất giáp danh giữa bãi đất trồng vải nhà anh **Hoàng Văn Đ1** với ruộng lúa nhà Lành Văn N, bãi đất trồng vải không có hàng rào xây bảo vệ xung quanh. Khoảng cách chênh lệch về chiều cao giữa bãi đất trồng vải (vườn vải) nhà anh Đ1 và ruộng lúa nhà N là 1,87m.

Xác định vị trí số (1) là vị trí xô xát giữa Giáp Thị L, Lành Thị T và Nguyễn Thị H1. Từ vị trí số (1) đến mép bờ cao giáp ranh giữa vườn vải và ruộng lúa là 01m. Từ vị trí số (1) nhìn về hướng Đông đến mép bờ giáp ranh giữa vườn vải nhà anh **Đ1** và ruộng lúa nhà anh Hoàng Văn **X** là 11m. Từ vị trí số (1) đến vị trí số (2) (vị trí chị H1 ngã được đánh số (2) là 1m60. Từ vị trí số (2) đến bờ ruộng giáp danh giữa ruộng nhà N và ruộng nhà anh **X** là 8m10. Ngày 05/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện **L** đã tiến hành thực nghiệm điều tra tại hiện trường theo lời khai của bị cáo Giáp Thị L, chị Lành Thị T, anh Lành Văn N, chị Nguyễn Thị H1, anh Lành Văn H2 và những người làm chứng.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Giáp Thị L và chồng là anh Lành Văn N khai báo quanh co, không thống nhất. Lời khai ban đầu bị cáo Giáp Thị L thừa nhận đã cùng với chị Lành Thị T giằng co, du đẩy chị H1 làm chị H1 bị ngã xuống ruộng. Lời khai ban đầu của anh N chồng bị cáo L cũng khẳng định được nhìn thấy bị cáo L giằng co với chị H1 và làm chị H1 bị ngã xuống ruộng. Nhưng sau đó cả bị cáo L và anh N thay đổi lời khai xác định không biết vì sao chị H1 bị ngã xuống ruộng.

Tại bản Cáo trạng số 20/KSĐT ngày 13/03/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **L** truy tố bị cáo Giáp Thị L về tội “*Vô ý gây thương tích*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HSST ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện **L**, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 36; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Giáp Thị L phạm tội “*vô ý gây thương tích*”.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Thị L, phạt cải tạo không giam giữ 10 (mười) tháng. Giao bị cáo cho UBND **xã B** giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo Giáp Thị L có trách nhiệm phối hợp với UBND **xã B** trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương được giám sát,

giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Giáp Thị L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 51.256.000 đồng (năm mươi một triệu).

Ngoài ra án còn tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 11/6/2018 người bị hại chị Nguyễn Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm. Ngày 13/6/2018 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giảm bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại chị Nguyễn Thị H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Nguyên nhân chị bị thương tích tổn hại sức khỏe 34% là do bị cáo Giáp Thị L và chị Lãnh Thị T có hành vi du đẩy, cào cấu chị làm chị bị ngã từ trên bờ ruộng cao xuống. Bản án sơ thẩm xử không khách quan, xử bị cáo về tội “Vô ý gây thương tích” là không đúng, hình phạt áp dụng với bị cáo là quá nhẹ, đề nghị xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” để tăng hình phạt tù và tăng mức bồi thường tương xứng với mức độ hành vi bị cáo gây thương tích cho tôi tổn hại sức khỏe là 34%. Chị Lãnh Thị T chính là chủ mưu, là vai trò chính hợp sức với bị cáo L đánh du chị ngã bị thương tích 34% sức khỏe nhưng không bị truy tố là bỏ lọt tội phạm và không công bằng. Lãnh Thị T phải là người có mức án, mức phạt bồi thường cao hơn Giáp Thị L mới công bằng. Yêu cầu bị cáo L và chị T phải bồi thường cho chị tổng số tiền là 212.000.000đ là khoản tiền mà gia đình chị phải chi phí điều trị thương tích, phục hồi sức khỏe, tiền mất thu nhập của bản thân chị và người chăm sóc trong thời gian chị nằm điều trị ở viện và sau khi ra viện.

Bị cáo Giáp Thị L tại phiên tòa thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo cho rằng bị cáo bị oan, bị cáo không thừa nhận đã có hành vi hành xô xát, du đẩy chị H1 làm chị H1 bị ngã từ trên bờ ruộng cao xuống dẫn đến thương tích cho chị Nguyễn Thị H1, giữa bị cáo và chị H1 chỉ có lời qua tiếng lại chứ không có hành vi xô xát, du đẩy cào cấu. Bị cáo L trình bày trong Biên bản ghi lời khai do anh **Leo Văn Đ2**, cán bộ Công an huyện **L** lấy lời khai thì điều tra viên **Đ2** không đọc lại biên bản và không cho bị cáo đọc lại biên bản, bị cáo chỉ được ký vào biên bản thôi, khi lấy lời khai điều tra viên **Đ2** không đánh đập gì bị cáo, nhưng dọa bị cáo nếu không ký thì sẽ bị bắt nên bị cáo mới phải ký. Trong các Biên ghi lấy lời khai của Điều tra viên **Nguyễn Thị Thùy D** bị cáo cũng không được đọc lại biên bản, điều tra viên **D** bảo bị cáo ký thì bị cáo ký. Về trách nhiệm dân sự bị cáo chỉ đồng ý bồi thường cho chị H1 số tiền là 15.000.000đồng nếu bị cáo không bị truy tố.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Lãnh Thị T trình bày: giữa chị và chị Giáp Thị L, chị Nguyễn Thị H1 không xảy ra xô xát, chỉ có lời qua tiếng lại. Do bị vợ chồng anh H2 cào cấu, túm tóc, giật đầu, nên chị có chống cự lại. Chị H1 thách thức bị cáo L, sau đó hai bên lời qua tiếng lại, anh H2 vào túm tóc dặt ngựa hai chị em tôi ra, dúi đầu xuống đất.

Chị không nhìn thấy chị H1 bị ngã vì bị anh H2 dúi đầu xuống đất, sau khi anh H2 bỏ tóc ra thì thấy chị H1 bị ngã. Chị không hô bị cáo vào đánh chị H1.

Anh Lãnh Văn H2 trình bày: lý do anh túm tóc bị cáo L và chị T là do bị cáo L và chị T có hành vi đánh vợ anh là chị Nguyễn Thị H1 nên anh đã chạy ra để can ngăn. Anh N có cầm một đoạn gậy bằng cây gỗ mục chạy quay lại giơ lên đập một nhát từ trên xuống dưới vào đầu anh nên anh đã bỏ tay túm tóc của L và chị T ra và giơ lên đỡ làm đoạn gậy bị gãy. Sau đó bị cáo L và chị T tiếp tục lao vào giằng co, du đẩy với vợ anh nên đã làm vợ anh bị ngã xuống ruộng.

- Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa, trình bày:

Anh Lãnh Văn N khai: Sau khi tổ hòa giải của thôn xem thực tế có quay về Hội trường văn hóa thôn, anh đi trước tổ hòa giải một đoạn thì có nghe thấy tiếng cãi nhau giữa vợ anh là bị cáo L và chị H1 anh đã quay lại nhìn thấy anh H2 là chồng chị H1 túm tóc vợ anh là bị cáo L và chị T trên đường anh có nhặt 01 gậy gỗ khi vung lên định đánh anh H2 đã lấy tay đỡ làm chiếc gậy bị gãy. Không thấy bị cáo, chị T và chị H1 xô sát, đánh nhau gì, anh không biết nguyên nhân chị H1 bị ngã xuống ruộng.

Ông Hoàng Anh T2 khai: Ông có nghe thấy to tiếng, chửi nhau giữa chị L, chị T và chị H1, khi ngoảnh đầu lại thì thấy 03 người L, T, H1 đang giằng co, túm tóc chửi bới nhau. Lúc chị H1 ngã xuống như thế nào ông không nhìn thấy. Nhìn thấy 03 người du đẩy nhau trước, sau đó anh N đến cầm đoạn gậy gỗ dơ lên định đánh anh H2. Khoảng cách giữa 3 người du đẩy nhau đến vị trí chị H1 bị ngã là 4m.

Ông Lãnh Văn T3 khai: Ông không biết giữa chị H1, chị T, chị H1 có to tiếng chửi bới nhau, ông không biết giữa các chị có xảy ra xô sát nhau và không biết nguyên nhân chị H1 bị ngã từ bờ ruộng cao xuống như thế nào.

Ông Hoàng Văn S1 khai: nhìn thấy 03 người là bị cáo, chị T, chị H1 xô sát, giằng co nhau. Thấy anh H2 túm tóc 2 người, anh N dơ đoạn gậy lên, anh H2 đỡ được nên đoạn gậy bị gãy. Sau khi gỡ hai bên ra thì không nhìn thấy chị H1 đâu. Sau đó thấy có người nói chị H1 bị ngã thì ông S1 quay sang thấy chị H1 bị ngã ngửa. Ông không nhìn thấy chị H1 bị ngã như thế nào. Khi lập biên bản tại hiện trường ngày 11/3/2017 thì ông không có mặt ở đó, chỉ khi mọi người thống nhất nội dung biên bản thì mọi người mới ký. Mới đầu gia đình bị cáo L và chị T không ký, có dính chính nội dung anh H2 túm tóc vào trong biên bản và sau đó ông T3 giải thích, động viên thì chị T và bị cáo mới ký. Không may chị H1 bị ngã, chứ không phải chị H1 bị du đẩy xuống ruộng.

Ông Đặng Văn S khai: ông không được chứng kiến, không nhìn thấy 2 bên đánh nhau, xô sát như thế nào, không được can ngăn, không biết chính xác ai là người làm chị H1 bị ngã xuống ruộng.

Ông Hoàng Văn T1 khai: ông không nhìn thấy ai là người trực tiếp làm chị H1 ngã xuống ruộng. Chỉ nhìn thấy bị cáo, T, H1 xô sát, cào cấu nhau.

Người làm chứng bà Trần Thị N1 vắng mặt HDXX đã công bố lời khai của bà N1.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo, bị hại nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1 và của bị cáo. Giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo.

Ông Hoàng Trọng N, trợ giúp viên pháp lý trình bày bài bào chữa cho bị cáo: tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là bị cáo kêu oan, lý do bị cáo không là người trực tiếp hoặc cố ý du đẩy người bị hại làm người bị hại bị ngã. Việc truy tố và xét xử bị cáo L về tội “Vô ý gây thương tích” là chưa đủ cơ sở vững chắc. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì việc quy kết tội đối với bị cáo chỉ dựa trên lời khai của bị hại, không dựa trên lời khai của người làm chứng, của bị cáo, chồng bị hại là anh H2 khẳng định không nhìn thấy chị H1 bị ngã như thế nào (bút lục 400), những người làm chứng đều khẳng định không nhìn thấy chị H1 bị ngã như thế nào, không chứng kiến sự việc xô xát làm chị H1 bị ngã (bút lục 401, 58, 63, 65). Bị cáo trình độ văn hóa thấp (4/12), mới đầu lập biên bản tại hiện trường ngày 11/3/2017 thì bị cáo không ký, sau đó ông T3 động viên thì bị cáo mới ký và nhất trí bồi thường 15 triệu cho bị hại để không bị truy tố. Việc ký vào biên bản lời khai do điều tra viên lập là do bị cáo nhận thức không đầy đủ, không đọc lại trước khi ký. Bút lục 120, 121 không giải thích quyền và nghĩa vụ đối với bị cáo là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá khách quan, toàn diện những lời khai của bị hại, bị cáo, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị hủy án để điều tra lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị H1 là luật sư Hoàng Thị Bích L1 phát biểu quan điểm: không đồng ý quan điểm của Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm và quan điểm của trợ giúp viên pháp lý N. Phải thừa nhận sự thật khách quan là có thương tích xảy ra, có việc chị H1 bị ngã, có sự tác động vật chất của bị cáo và chị T vào chị H1, không có việc một người bình thường tự lùi bị ngã. Có việc xô đẩy dẫn đến chị H1 bị ngã, căn cứ vào bút lục 32, 34 lời khai của chị H1; bút lục 40, 41, 42 lời khai của anh H2. Biên bản ghi lại sự việc ngày 11/3/2017 được lập hoàn toàn khách quan ngay sau khi sự việc xảy ra, đã đọc lại ít nhất hai lần, các bên đều được nghe, các bên đều tự nguyện ký vào biên bản. Bị cáo còn thừa nhận việc bồi thường 15 triệu, biên bản này được xác định như trường hợp phạm tội quả tang, ghi nhận sự việc xảy ra. Biên bản này phù hợp với lời khai của chị H1 tại bút lục 32, 44. Khi điều tra viên D lấy lời khai thì bị cáo L đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình tại bút lục 123. Lời khai của chị H1, của anh H2 còn phù hợp với lời khai của ông S1, ông T1, ông T2 tại bút lục 90, 91, 92, 93, 67. Phải có việc bị cáo và chị T đánh chị H1 thì anh H2 mới ra tóm tóc. Hành vi xô đẩy của bị cáo và chị T có ý thức cố ý gây thương tích và bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Trong trường hợp này có đồng phạm của chị T. Kháng cáo của bị hại là có đồng phạm là chị T và phải truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Bị cáo đồng ý với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý ông Hoàng Trọng N.

Chị H1 đồng ý quan điểm của luật sư Hoàng Thị Bích L1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối đáp với các ý kiến của luật sư Hoàng Thị Bích L1 và của ông N: Việc luật sư L1 và ông N đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại là không có căn cứ, lý do: Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai đầy đủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bị cáo. Việc lập biên bản ban đầu ngày 11/3/2017 là khách quan. Không có cơ sở xác định bị cáo cố ý gây thương tích cho người bị hại, bị cáo không cố ý về hành vi. Luật sư căn cứ vào lời khai của bị hại và chồng bị hại để xác định bị cáo có hành vi cố ý gây thương tích là không đầy đủ, không có cơ sở. Quá trình điều tra không chứng minh được T có hành vi du đẩy làm chị H1 bị ngã xuống ruộng nên không có căn cứ truy tố đối với chị T, đã đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với chị T. Những người làm chứng chỉ khai có sự giằng co, xô xát nhau giữa 3 người, không có sự du đẩy làm chị H1 bị ngã. Căn cứ lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, bị cáo có đủ cơ sở xác định bị cáo phạm tội “Vô ý gây thương tích”. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm của mình.

Các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo Giáp Thị L: Bị cáo không có tác động gì đến chị H1 làm chị H1 bị ngã, bị thương tích. Bị cáo bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo và của chị Nguyễn Thị H1 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Về việc vắng mặt người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ: Xét thấy họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do vậy, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

Về việc luật sư L1 và ông N đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại là không có cơ sở, lý do: quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đồng thời đã giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Giáp Thị L thì thấy:

Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị cáo L không thừa nhận có hành vi xô xát, du đẩy chị Nguyễn Thị H1 làm chị H1 bị ngã gây tổn thương sức khỏe cho chị H1 là 34%. Căn cứ vào các lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra tại biên bản ghi lời khai ghi ngày 30/3/2017 (bút lục 120), lời khai ngày 18/5/2017 (bút lục 123) bị cáo đều thừa nhận có hành vi du đẩy với chị H1 dẫn đến chị H1 bị ngã xuống bờ ruộng. Lời khai của anh Lãnh Văn N tại UBND xã B ngày 17/03/2017 (bút lục 49), lời khai của anh Lãnh

Văn H2 (bút lục 42), lời khai của những người làm chứng. Đã có đủ cơ sở kết luận: Vào thời gian Buổi chiều ngày 11/03/2017, tại khu bãi đất trồng vải của gia đình anh **Hoàng Văn Đ1** giáp ranh với ruộng trồng lúa của gia đình Giáp Thị L tại **Thôn T**, xã Biên tranh chấp lối đi xuống ruộng nên giữa Giáp Thị L và chị Nguyễn Thị H1 đã xảy ra xô xát giằng co, du đẩy nhau. Hậu quả chị H1 bị ngã từ trên bờ đất cao xuống ruộng, bị tổn thương 34% sức khỏe.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vô ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2018/HS-ST ngày 31/5/ 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, không oan sai. Do vậy, việc bị cáo kháng cáo kêu oan là không có căn cứ chấp nhận, việc luật sư L1 đề nghị xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của người bị hại chị Nguyễn Thị H1 trong vụ án thì thấy: Hành vi của bị cáo Giáp Thị L là nguy hiểm, coi thường pháp luật, đã vô ý gây tổn hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Lạm phạm tội này là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tình tiết này được quy định tại i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bản thân bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, chưa có tiền án tiền sự và do nhất thời nóng nảy, không kiểm soát được hành vi của mình. Cấp sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện, khách quan tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo đã xử phạt bị cáo Giáp Thị L, phạt cải tạo không giam giữ 10 (mười) tháng là đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không nhẹ.

[4] Về trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn Thị H1 kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại HĐXX thấy: Các khoản có hóa đơn tiền thuê xe đi cấp cứu điều trị vết thương theo hóa đơn và hợp đồng thuê xe là 3.183.000đồng; các khoản điều trị, tiền thuốc, tiền mua bông băng, mua lẹp cố định có hóa đơn là 15.855.500 đồng. Thời gian chị H1 nằm điều trị ở viện từ ngày 11/03/2017 đến ngày 27/03/2017 là 17 ngày. Tiền thu nhập bình quân một lao động phổ thông thời điểm tháng 3/2017 ở địa phương là 100.000 đồng/người/ngày. Như vậy, tiền mất thu nhập của chị Hạnh cùng 01 người chăm sóc cho chị H1 là 17 ngày x 100.000 đồng x 02 người = 3.400.000đồng. Mức bù đắp tổn thất về tinh thần, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe với thương tích 34%, HĐXX xét thấy cần tính 20 tháng lương tối thiểu tại thời điểm tháng 3/2017 là 1.300.000 đồng/ tháng. Như vậy, mức bù đắp tổn thất về tinh thần, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe được tính là 20 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng = 26.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tiền mất thu nhập trong 02 tháng sau khi chị H1 ra viện không lao động được = 6.000.000đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên tổng số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị H1 là

51.256.000 đồng là có căn cứ. Đây là những chi phí hợp lý, mức bù đắp tổn thất về tinh thần, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe phù hợp với quy định của pháp luật cần phải xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H1. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo do bị cáo là người lao động phổ thông không có thu nhập ổn định.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H1 buộc chị Lãnh Thị T phải liên đới bồi thường cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại chị Nguyễn Thị H1 không đưa ra được căn cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị H1 cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Vấn đề khác:

Đối với anh Lãnh Văn N đã có hành vi dùng gậy gỗ đập vào tay anh Lãnh Văn H2 nhưng anh H2 chỉ bị bầm tím và xây xước nhẹ, không đi điều trị ở cơ sở y tế nào và không có đề nghị gì. Ngày 14/02/2018 Công an huyện L đã xử lý hành vi này của N bằng biện pháp hành chính.

Đối với chị Lãnh Thị T quá trình điều tra không chứng minh được T đã có hành vi trực tiếp du đẩy chị H1 làm chị H1 bị ngã xuống ruộng nên không có căn cứ để xử lý. Tuy nhiên trước khi chị H1 bị L du đẩy bị ngã xuống ruộng T đã có xô xát đánh nhau với chị H1 nên cần phải được xử lý bằng biện pháp hành chính. Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã có Công văn yêu cầu Công an huyện L xử lý hành vi này của Lãnh Thị T bằng biện pháp hành chính. Do không chứng minh được chị T có hành vi cùng bị cáo L du đẩy làm chị H1 bị ngã gây thương tích, thiệt hại sức khỏe cho chị H1 nên yêu cầu của chị H1 buộc chị T cùng liên đới bồi thường là không có căn cứ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Án phí: chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo L thuộc hộ cận nghèo nên được miễn tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giáp Thị L và của người bị hại chị Nguyễn Thị H1. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Giáp Thị L phạm tội "Vô ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 36; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Thị L, phạt cải tạo không giam giữ 10 (mười) tháng. Giao bị cáo cho UBND xã B giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo Giáp Thị L có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương được giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Giáp Thị L phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền **51.256.000 đồng** (năm mươi một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn). Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H1 buộc chị Lãnh Thị T phải liên đới bồi thường cho chị.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo. Người bị hại chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

